

Ngữ âm học và âm vị học

Việc nghiên cứu ngôn ngữ âm thanh của con người thuộc cấp độ âm vị học. Đối tượng âm thanh tiếng nói con người có thể được 2 ngành khác nhau nghiên cứu là ngữ âm học và âm vị học. Cùng tìm hiểu về các đặc điểm âm thanh, tiếng nói con người nhưng chúng có những điểm khác nhau cơ bản sau đây:

Tiêu chí	Ngữ âm học	Âm vị học
1. Đơn vị	- Âm tố - Vô hạn	- Âm vị - Hữu hạn & đếm được
2. Phương pháp	Khoa học tự nhiên	Khoa học xã hội
3. Quan điểm lịch sử (phương pháp luận)	- Phi quan điểm lịch sử - Tính hợp lí & logic	- Quan điểm lịch sử - Cái tồn tại là cái có lí
4. Phạm vi	Cơ chế tạo sản âm thanh mang tính nhân loại	Hệ thống âm thanh của một tộc người

1. Âm thanh tiếng nói con người, về bản chất là vô tận bởi tùy theo các đặc điểm cá nhân khác nhau, các đặc điểm về hoàn cảnh phát âm khác nhau, mục đích phát âm khác nhau mà tiếng nói phát ra có những phần khác nhau.

Ngữ âm học là ngành nghiên cứu về cơ chế tạo sản các âm thanh của tiếng nói con người, cho nên, ngoài việc mô tả một cách chính xác cơ chế đó hoạt động như thế nào thì cần phải đặc tả một cách chính xác các sự biểu hiện khác nhau của tiếng nói ấy, tức là các kết quả của cơ chế tạo sản âm thanh tiếng nói con người. Chính vì thế, các dạng thể âm thanh là vô hạn. Và đơn vị của ngữ âm học là các âm tố, tức là các âm thanh tự nhiên của tiếng nói con người.

Ngược lại, bởi vì con người sống theo xã hội, theo cộng đồng nên muốn giao tiếp được với nhau thì người ta phải có mã do cộng đồng quy định sử dụng. Dẫu người ta có thể khác nhau về các đặc điểm tâm lí, sinh lí, trình độ học vấn, địa phương cư trú nhưng muốn để giao tiếp được, truyền được thông điệp, yêu cầu của mình tới người khác thì mã âm thanh sử dụng phải có tính xã hội hoá. Chính vì vậy, sự khác nhau về dạng thể giữa các âm thanh của có những hình thức, những biến thể của những đơn vị âm thanh mang chức năng trong xã hội loài người. Những đơn vị âm thanh mang chức năng đó được ngôn ngữ học là các âm vị. Theo nguyên tắc tối thiểu về đặc điểm cấu trúc, tối đa về khả năng sử dụng, các đơn vị âm thanh của ngôn ngữ buộc phải là hữu hạn và đếm được.

Sự phân biệt giữa ngữ âm học và âm vị học về mặt đơn vị có nguồn gốc từ một lưỡng phân nổi tiếng của F. de Saussure (1913) về sự phân biệt giữa ngôn ngữ và lời nói. Theo ông, người ta không bao giờ lặp lại được lời nói của chính mình, cho nên, lời nói là vô hạn, lời nói biến đổi theo hoàn cảnh, theo thời gian và theo không gian. Ngược lại là thiết chế của xã hội, là một trong những đặc điểm để xác định tộc người của quốc gia nên tính ổn định của nó rất cao, cao như hoặc cao hơn các thiết chế xã hội khác). Ổn định về ngôn ngữ để nối tiếp được các thế hệ với nhau trong cả một truyền thống lịch sử; đồng thời, ổn định về ngôn ngữ còn có tác

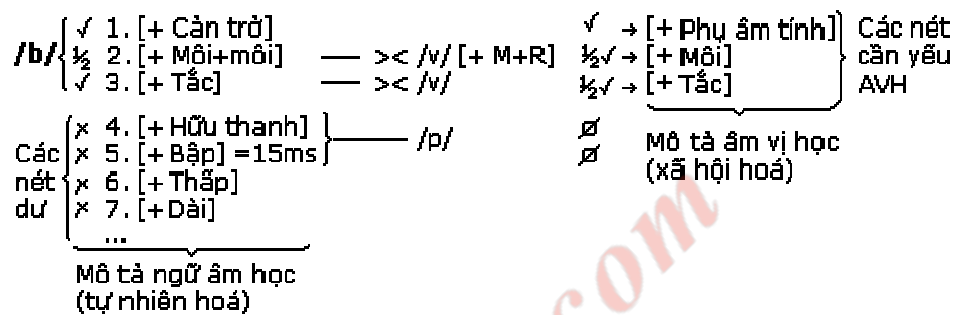
dụng liên kết những nhóm người ở những vùng đất khác nhau thành một quốc gia. Trong tính ổn định như vậy, ngôn ngữ được tạo nên bằng các giá trị hữu hạn, có tính hệ thống. Sự phản ánh mối quan hệ giữa lời nói và ngôn ngữ trong âm vị học trở thành sự đối lập giữa ngữ âm học và âm vị học.

2. Để quan sát được các hiện tượng âm thanh tiếng nói con người, các nhà nghiên cứu có thể tận dụng tất cả các phương tiện kỹ thuật và máy móc. Với yêu cầu tính chính xác và chi tiết về đặc điểm âm thanh, người ta có thể nhìn các âm tố từ nhiều bình diện khác nhau:

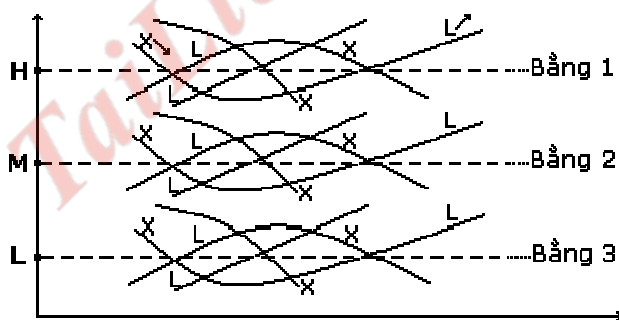
- Từ bình diện sinh lí cấu âm;
- Từ bình diện thẩm nhận âm thanh;
- Từ bình diện thực thể âm thanh.

Ở tất cả các bình diện này người ta đều sử dụng các quan niệm có thánh chất khoa học tự nhiên để nghiên cứu âm thanh, nghĩa là mô tả về các đặc điểm cấu trúc của âm thanh, giống như ở trong thế giới tự nhiên, các hiện tượng là vô tận thì các đặc điểm về âm thanh tiếng nói con người cũng vô tận như vậy. Chính vì theo quan điểm của khoa học tự nhiên nên ngữ âm học chia các hiện tượng âm thanh thành các loại thể âm thanh cũng tương tự như sinh vật học phân loại các giống loài thực vật và động vật có trong thiên nhiên, dựa trên các đặc điểm hình thể. Ngược lại, đối với âm vị học, do xuất phát từ định đề coi ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội nên sự phân loại các hiện tượng âm thanh cũng như sự nhận diện ra các đặc điểm âm thanh là theo quy chiếu của chức năng của âm thanh đối với giao tiếp xã hội. Như vậy, có nghĩa là có rất nhiều các đặc điểm cấu trúc của âm thanh không được sử dụng làm gì trong quan điểm âm vị học, do đó nó không có chức năng phục vụ xã hội và bị coi là dư thừa, không mang tính âm vị học.

Ví dụ:



3. Nghiên cứu âm thanh theo quan điểm cơ chế tạo sản và sự phân loại có tính hình thức về âm thanh theo quan điểm của ngữ âm học sẽ dẫn đến chủ nghĩa cân đối hình thức của các âm. Đó là sự nghiên cứu các âm lí tưởng lẫn các âm hiện thực, các âm tiềm năng và các âm đã được sử dụng.



(1) Giải âm tần có thể chia làm 3 mức: cao (**H**igh), trung bình (**M**edium) và thấp (**L**ow)

(2) Có 3 mức thanh bằng

(3) Ba thanh uốn [**Xuống**+**Lên**] cũng phải ở 3 mức

(4) Ba thanh [**Lên**+**Xuống**] ở 3 mức

(5) Ba thanh [**Lên**] ở 3 mức

(6) Ba thanh [**Xuống**] ở 3 mức

→ (3)+(4)+(5)+(6) = 15 thanh vị (cấu tạo nét – contour)

Trên đây là sơ đồ lí thuyết về sự tạo thanh trong ngôn ngữ học đại cương. Chỉ bằng 3 đặc điểm về cao độ (cao, trung bình, thấp) và 3 đặc điểm về đường nét (bằng, lên, xuống) người ta có thể tạo nên 15 thanh vị khác nhau về mặt lí thuyết. Tuy nhiên, trong thực tế ngôn ngữ, ngôn ngữ có số lượng thanh điệu nhiều nhất là tiếng Mèo ở Vân Nam (Trung Quốc) với 9 thanh, và ngôn ngữ có số thanh điệu ít nhất là tiếng Thà Vưng (3 thanh). Điều này nói lên những phức tạp về mặt lí thuyết, tuân theo luật logic và cân đối hình thức, đã không được thực tế đáp lại như mong muốn của các nhà ngữ âm học. Bởi vì, khi cấu tạo ra hệ thanh lí thuyết, họ đã quên đi những luật về cảm thụ âm thanh mà chỉ có tai người mới có thể khảo sát. Hệ thống thính giác của con người, mặc dầu rất nhạy cảm nhưng không chia 3 vùng cao độ mà ưa thích sự lưỡng phân cao độ thành hai mức: cao và thấp. Tất cả những âm thanh nằm trong khu vực trung gian (M) sẽ không có đặc điểm độc lập của một vùng âm vực mà hoặc là sáp nhập vào vùng âm vực cao nếu chúng có đường nét đi lên; hoặc là sáp nhập vào vùng âm vực thấp nếu chúng có đường nét đi xuống. Chính vì thế, các hệ thanh trong thực tế thường:

- 1, Số thanh bằng phải ít hơn nếu hệ thanh đó thiên về hệ thanh đường nét;
- 2, Số thanh đi lên, hoặc có thành phần đi lên ở cuối cấu trúc thanh, nhiều hơn so với số thanh đi xuống, hoặc có thành phần đi xuống;
- 3, Nếu như hệ thanh thiên về bằng phẳng thì số thanh đường nét phải ít hơn so với số thanh bằng.

Đó chính là cái lí ở trong thực tế, cái lí của sự tồn tại. Xu hướng của con người là tìm đến sự đơn giản nên không thể có những sự kiện âm thanh quá phức tạp, có những cấu trúc bị đánh dấu đến mức vừa khó phát âm, vừa khó cảm thụ lại

khó nhớ. Đó chính là quan điểm của âm vị học khi nhìn vào các hiện tượng âm thanh: ngôn ngữ là của con người, ngôn ngữ phải phục vụ con người theo nguyên tắc tiết kiệm và ít bị đánh dấu, mang tính tự nhiên cao.

Bất kì ngôn ngữ nào, cho đến ngày nay, tồn tại được và phục vụ con người được cho con người đều phải trải qua những quá trình tiếp xúc với những nền văn hoá khác nhau. Những va chạm và tiếp xúc ấy đã làm cho tính cân đối của hệ thống âm thanh (nếu có) bị mai một, biến dạng đi theo thời gian trước những nhu cầu sử dụng rất khác nhau của con người đối với ngôn ngữ.

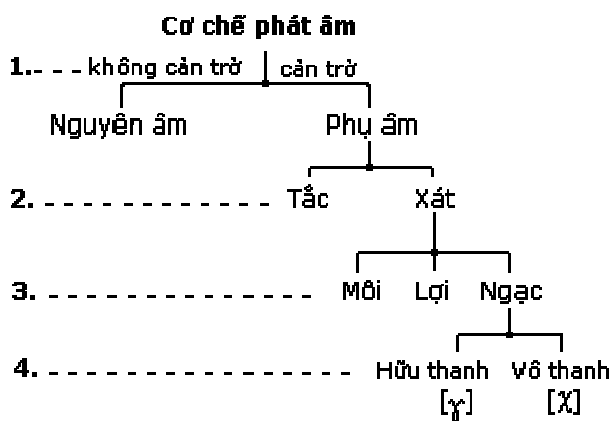
Ví dụ: Tính cân đối giữa âm môi vô thanh-hữu thanh của loạt trước trong tiếng Việt đã từng tồn tại trong thời xa xưa (trước thế kỉ 17). Nhưng do áp lực từ những tiếp xúc khác nhau đối với tiếng Hán cận hiện đại, tiếng Hán thổ ngữ mà âm /p/ đã bị tiêu biến đi. Từ sau năm 1987 trở lại đây, hình như đã có dấu hiệu xuất hiện trở lại của âm /p/. Do nhu cầu định danh cho sự vật mới, người Việt phải vay mượn các từ có gốc Ấn-Âu. Ngược lại, sự kết hợp trong vần giữa /-u-/ và /-w/, /-u̯-/ và /-w/ để tạo nên các vần /u̯u/ và /u̯w/ là một sự kết hợp rất Mon-Khmer, nhưng do tiếng Việt tiếp xúc với các ngôn ngữ Tày-Thái ở phía bắc (đây là những ngôn ngữ mà ngay cả âm /u̯/ cũng là âm có tần số xuất hiện rất thấp, chứ chưa nói đến khả năng kết hợp giữa /-u̯-/ và /-w/; /-u̯-/ và /-w/... Ảnh hưởng tiếp xúc đó đã tạo nên sự khác biệt rất lớn giữa phương ngữ Bắc và phương ngữ Trung. Cụ thể là, phương ngữ Bắc, do tiếp xúc trực tiếp Tày-Nùng nên không có cơ hội để phát âm lại các âm đó nữa; còn phương ngữ Trung, do không tiếp xúc trực tiếp với tiếng Tày-Nùng, nhất là trong thời kì hiện đại nên phong vị cổ của 2 vần này vẫn còn được giữ lại nhiều.

4. Để phân biệt âm thanh tiếng nói con người với âm thanh của các loài vật khác, người ta căn cứ vào các cơ chế sinh lí học của các cơ quan phát âm, khả năng thụ cảm của các cơ quan thính giác và thần kinh. Ví dụ như, để mô tả sự tạo

thành một phụ âm, người ta phải căn cứ trên các thuộc tính sau đây về sinh lí cấu âm:

Phụ âm	Phụ âm	+ tồn tại sự cản trở (ở khoang miệng)	(1)
		+ phương thức cản trở (tắc, xát...)	(2)
		+ vị trí cản trở (môi, lợi, ngạc...)	(3)
		+ dây thanh rung/không rung (=hữu thanh/vô thanh)	(4)

Ví dụ:



Như vậy, âm của mọi người đều giống nhau vì đó là nguyên lí chung để định nghĩa âm thanh con người, phân biệt với các loài khác. Đó là quan điểm mang tính tự nhiên về bản chất âm thanh con người. Do đó, người ta nói ngữ âm học mang bản chất nhân loại, bản chất thế giới. Chính vì thế, ngay từ thế kỉ 19, các

nhà ngữ âm học thế giới đã lập cho mình một hội nghề nghiệp mang tên Hội Ngữ âm học quốc tế – IPA.

Vậy, ngữ âm học là ngành nghiên cứu về bản chất âm thanh tiếng nói con người không phân biệt tuổi tác, giới tính, quốc gia...

Còn âm vị học không mang tính nhân loại, âm vị học là ngành nghiên cứu hệ thống âm thanh của một cộng đồng xác định. Cộng đồng ấy là chủ nhân của một hệ thống âm thanh. Họ sử dụng nó cho những mục đích rất khác nhau trong đời sống giao tiếp cộng đồng. Và vì họ nằm lòng ngôn ngữ ấy, hệ thống âm thanh ấy ngay từ khi còn trong bụng mẹ nên họ có trực cảm về nó như là một vật rất thân quen nhưng lại không ý thức được điều đó.

*** Tóm lại:**

Có hai ngành nghiên cứu về âm thanh tiếng nói con người vì đối tượng, phương pháp, phương pháp luận và mục đích giữa hai ngành là khác nhau. Một bên nghiên cứu về bản chất âm thanh tiếng nói con người nói chung cho nên mang tính phổ niệm, tính khái quát; một bên là nghiên cứu về một hệ thống âm thanh được sử dụng ở một cộng đồng hoặc một phạm vi cụ thể nên nó mang tính đặc thù. Hiểu được sự khác nhau giữa hai ngành học này, người ta có thể ứng dụng các kết quả nghiên cứu một cách hiệu lực cho những lĩnh vực khác nhau. Ví dụ: trong việc phục hồi chức năng của những người bị bệnh lời nói thì phải sử dụng ngữ âm học nhưng trong việc nhận diện ra các bệnh thất ngôn thì người ta phải dùng các kết quả của âm vị học. Cũng tương tự như vậy, để dạy cho người nước ngoài nói tiếng Việt thì phải tận dụng các kiến thức của ngữ âm học nhưng để phân biệt các giọng nói khác nhau của từng vùng đất khác nhau trong một quốc gia thì phải có thái độ âm vị học (phân biệt từ địa phương về mặt ngữ âm và từ địa phương về mặt từ vựng).

TaiLieuTuoi.com